

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày: 24 - 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Lọt và bà Bùi Thị Nhen.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

QUÁCH CÔNG T4, sinh ngày 20 tháng 05 năm 2002 tại L - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm L, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Thế H và bà Bùi Thị H1; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/10/2024, tạm giam từ ngày 31/10/2024. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Quách Văn T, sinh năm 1982 và vợ là bà Bùi Thị V, sinh năm 1983. Cùng trú tại: Xóm R, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Ông Quách Văn T đại diện theo uỷ quyền cho bà Bùi Thị V tham gia tố tụng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Bùi Văn H2, sinh năm 1982 và vợ là bà Bùi Thị T1, sinh năm 1985. Cùng trú tại: Xóm K, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Ông Bùi Văn H2 đại diện theo uỷ quyền cho bà Bùi Thị T1 tham gia tố tụng. Vắng mặt.

Bà Bùi Thị L, sinh năm 1981 và chồng là ông Bùi Văn S, sinh năm 1976. Cùng trú tại: Xóm L, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Bà Bùi Thị L đại diện theo uỷ quyền cho ông Bùi Văn S tham gia tố tụng. Có mặt.

Ông Bùi Văn C, sinh năm 1988 và vợ là bà Bùi Thị C1, sinh năm 1993. Cùng trú tại: Xóm R, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Ông Bùi Văn C đại diện theo uỷ quyền cho bà Bùi Thị C1 tham gia tố tụng. Vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1989 và chồng là ông Bùi Văn T2, sinh năm 1985. Cùng trú tại: Xóm R, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Bà Nguyễn Thị N đại diện theo uỷ quyền cho ông Bùi Văn T2 tham gia tố tụng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị T3, sinh năm 1973. Trú tại: phố T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Anh Bùi Văn H3, sinh năm 1998. Nơi ĐKKHKT: xóm K, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Nơi tạm trú: Xóm T, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền để chi tiêu cá nhân nên Quách Công T4 nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. Đêm ngày 20/10/2024, Quách Công T4 đi chơi tại xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình thì gặp người quen là Bùi Văn H3. Quách Công T4 hỏi mượn xe của Bùi Văn H3 nói là đi về nhà nhưng mục đích làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Bùi Văn H3 đồng ý cho Quách Công T4 mượn xe. Do biết trước tại khu vực giếng V thuộc xóm L, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình có một số máy bơm nước của người dân đặt tại thành giếng để bơm lấy nước sinh hoạt nên Quách Công T4 điều khiển xe đến khu vực này vào khoảng 01 giờ ngày 21/10/2024, dừng xe bên lề trái đường liên xã hướng xã V đi xã M, quan sát xung quanh không có ai nên T4 đi bộ đến khu vực giếng V để lấy trộm máy bơm nước. Đến vị trí giếng thứ nhất, Quách Công T4 dùng tay tháo rời các đầu nối của hai máy bơm rồi dùng hai tay xách đến để tại chỗ dựng xe cách khoảng 05m. Quách Công T4 tiếp tục quay lại vị trí giếng thứ hai (cách giếng thứ nhất khoảng 06m), dùng tay tháo các đầu nối của hai máy bơm nước khác và xách để tại vị trí hai máy bơm trước. T4 tiếp tục quay lại giếng thứ hai và tháo tiếp một máy bơm nữa mang ra vị trí đã để các máy bơm trước đó. Tổng cộng, Quách Công T4 tháo trộm được 05 máy bơm nước. T4 lấy bao tải đã chuẩn bị từ trước, cho 05 máy bơm vào bao tải và chằng buộc sau yên xe mô tô. Lúc này khoảng 02 giờ cùng ngày, Quách Công T4 điều khiển xe chở 05 máy bơm trộm cắp được đi bán. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, đến phố T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình, Quách Công T4 bán 05 máy bơm nêu trên cho bà Trần Thị T3, chủ cửa hàng thu mua phế liệu, được số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng chi tiêu cho cá nhân hết. Sau đó, Quách Công T4 mang xe mô tô đã mượn trả lại cho Bùi Văn H3. Ngày 22/10/2024, Quách Công T4 đến Công an xã V đầu thú.

Tang vật thu giữ và quá trình xử lý vật chứng: Tang vật thu giữ tại giai đoạn điều tra gồm: 02 máy bơm nước nhãn hiệu FUZUKI, loại Water Pump, công suất 750W, màu sơn xanh, máy cũ đã qua sử dụng, một máy của gia đình bà Nguyễn Thị N, một máy của gia đình ông Quách Văn T; 02 máy bơm nước nhãn hiệu SHINING, loại Electric Water Pump, màu sơn đỏ, máy cũ đã qua sử dụng, một máy có công suất 250W của gia đình ông Bùi Văn C, một máy có công suất 125W của gia đình ông Bùi Văn H2; 01 máy bơm nước nhãn hiệu Limousine, loại 200A, công suất 200W, màu sơn xanh do Công ty TNHH S1 và TM Toàn Tỉnh sản xuất, máy cũ đã qua sử dụng của gia đình bà Bùi Thị L; 01 xe mô tô BKS 28N1-369.60,

nhãn hiệu Honda, loại Wave @, màu đen trắng, đã qua sử dụng của anh Bùi Văn H3. Các vật chứng nêu trên đã được Cơ quan điều tra trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Tại Kết luận định giá tài sản số 884/KL-HĐĐGTS, ngày 23/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: 02 máy bơm nước nhãn hiệu FUZUKI, mỗi máy có giá trị 516.667 (Năm trăm mười sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng; 01 máy bơm nước nhãn hiệu SHINING, công suất 250W có giá trị 1.100.000 (Một triệu, một trăm nghìn) đồng; 01 máy bơm nước nhãn hiệu SHINING, công suất 125W có giá trị 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; 01 máy bơm nước nhãn hiệu Limousine có giá trị 550.000 (Năm trăm năm mươi nghìn) đồng. Tổng giá trị của 05 máy bơm nước là 2.983.334, làm tròn số là 2.983.000 (Hai triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn) đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại được tài sản nên không có ý kiến, yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Văn H3 đã nhận lại xe và không có ý kiến gì. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị T3 không yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền 1.000.000đ đã mua các máy bơm nước từ bị cáo.

Tại Bản Cáo trạng số 06/CT-VKS, ngày 10/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo Quách Công T4 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với anh Bùi Văn H3 là người cho bị cáo mượn xe mô tô BKS 28N1-369.60 nhưng không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, do đó cáo trạng không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh và điều khoản luật áp dụng đối với bị cáo. Xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015. Có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đầu thú; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo do bị cáo là người không có điều kiện về kinh tế. Về vật chứng của vụ án đã được trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp nên không đề nghị xem xét. Về trách nhiệm dân sự: do các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình; không có ý kiến gì về nội dung Cáo trạng phản ánh; không kêu oan và xin giảm nhẹ hình phạt.

Các bị hại không có ý kiến gì về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Cơ quan điều tra, của Kiểm sát viên, của Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên xác nhận là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều khoản luật áp dụng đối với bị cáo*: Vào khoảng 01 giờ, ngày 21/10/2024, Quách Công T4 đã có hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản là 05 chiếc máy bơm nước có tổng trị giá 2.983.334 đồng (Kết luận định giá làm tròn là 2.983.000 đồng) của các bị hại. Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tài sản bị cáo chiếm đoạt trên 2.000.000đ và dưới 50.000.000đ. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh, điều khoản luật áp dụng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với Bùi Văn H3 là người cho bị cáo mượn phương tiện nhưng không biết bị cáo dùng vào việc phạm tội. Do đó, Cáo trạng không đề cập xử lý đối với anh Bùi Văn H3 là có căn cứ.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo*: Tội phạm mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có hiểu biết pháp luật nhưng coi thường pháp luật, có sức khỏe nhưng lười lao động mà chỉ trông chờ sự sơ hở, nơi lỏng quản lý của chủ sở hữu tài sản để chiếm đoạt mang đi tiêu thụ với mục đích lấy tiền chi tiêu cho nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo đã gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo bị cáo trở thành công dân bình thường, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015. Bị cáo trước đây chưa từng phạm tội và lần phạm tội này có mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù; thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, lần phạm tội này, bị cáo được coi là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú; giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là những tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Xét bị cáo là người có thu nhập không ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo

[6] *Về tang vật của vụ án*: Tang vật của vụ án đã được giao trả lại cho các chủ sở hữu là hợp pháp, các chủ sở hữu không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo bồi thường, không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí*: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị Quách Công T4 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Quách Công T4 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/10/2024.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Quách Công T4 phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Trại giam CA Hoà Bình;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi Cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn